

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khai quát

Tên giao dịch: Công ty cổ phần xi măng Sông Đà Yaly

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5900305243

Vốn điều lệ: 45.000.000.000, đồng

Trụ sở chính: Thôn 9, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: Fax:

Website: <http://songdayaly.vn>

Mã chứng khoán: SDY

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xi măng Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 936/QĐ-BXD ngày 03 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000019 ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04 tháng 07 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 5900305243. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

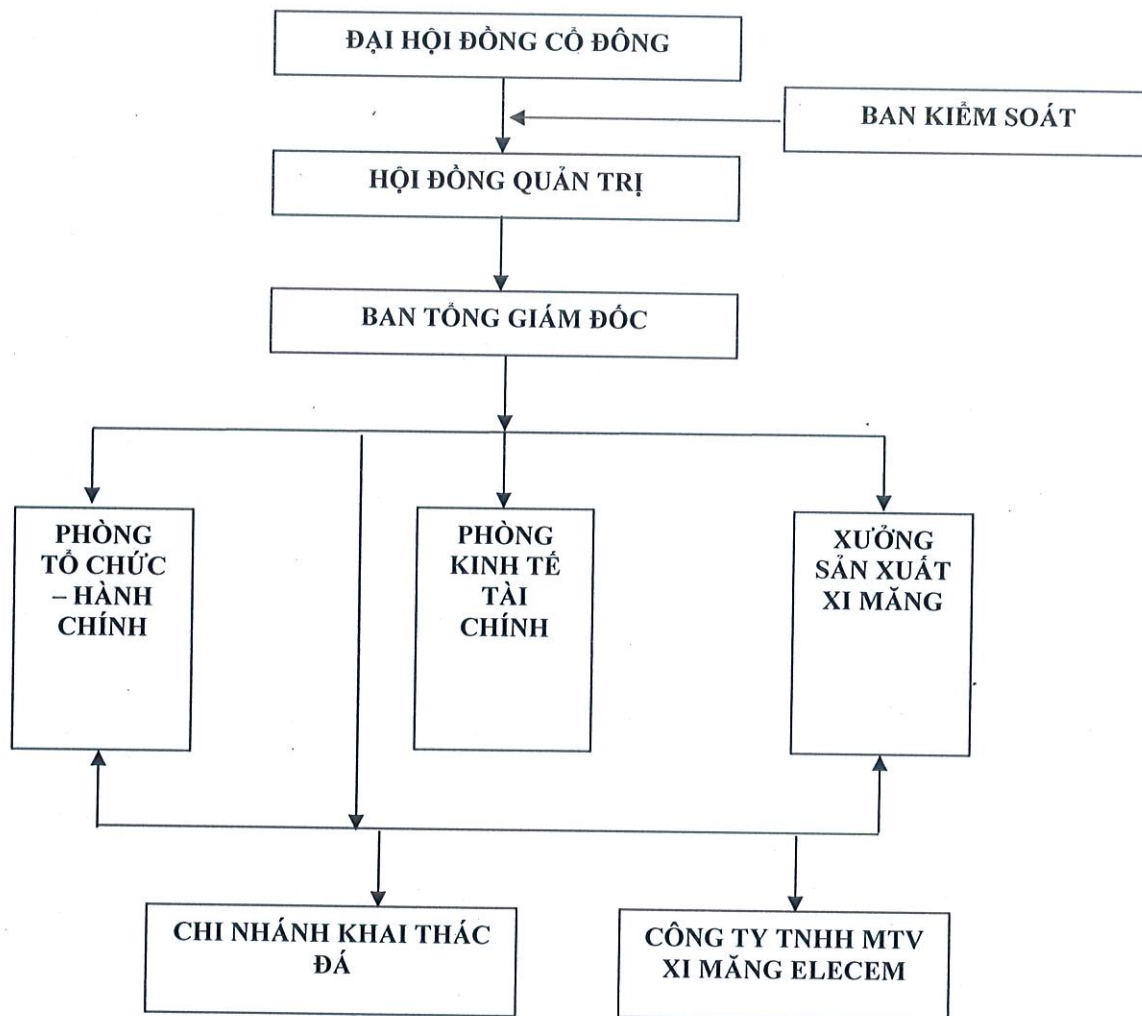
* Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá vôi;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, nhớt;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ tùng sửa chữa máy xây dựng, ô tô;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư bất động sản và đầu tư tài chính;
- Xây dựng nhà các loại.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền cho Phó Tổng Giám đốc để trực tiếp giải quyết công việc cụ thể

3.2. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển của Công ty:

Dù với cơ cấu cổ đông thay đổi, HĐQT, BKS mới tiếp quản trong một thời gian ngắn nhưng mục tiêu xuyên suốt đối với SDY cũng luôn hướng tới sự ổn định và phát triển mà cụ thể là các mục tiêu sau đây:

- Tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả cao nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận thông qua mở rộng hình thức sở hữu và huy động vốn, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và phương pháp quản lý tiên tiến phù hợp với hoạt động của nền kinh tế thị trường.

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho CBCNV và luôn đảm bảo chất lượng cuộc sống của cán bộ công nhân viên và gia đình.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và đảm bảo lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo duy trì và ngày càng tăng lợi tức cho các cổ đông.

5. Các rủi ro: Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng tới các mục tiêu của Công ty bao gồm:

Rủi ro tín dụng: Là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng)

Rủi ro về khí hậu thiên nhiên: Sản xuất và tiêu thụ xi măng là một ngành có mức độ phụ thuộc vào tình hình mùa vụ xây dựng. Thông thường trong một năm tình hình tiêu thụ xi măng trong 6 tháng cuối năm có tốc độ tăng trưởng hơn 6 tháng đầu năm. Việc tiêu thụ xi măng hoàn toàn phụ thuộc vào sự biến đổi khí hậu và tiến độ các công trình xây dựng.

Rủi ro về kinh tế vĩ mô: Các chính sách của Nhà nước, về ngành nghề, tài nguyên, khoán sản...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tình hình hoạt động SXKD công ty

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	66.863.120.297	34.485.131.661
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.400.000	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		66.857.720.297	34.485.131.661
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	65.486.096.555	33.961.931.329
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.371.623.742	523.200.332
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.527.886	49.615.892
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.738.760.538	3.995.133.630
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.805.760.538	3.906.133.630
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	22.254.880	222.240.727
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.530.484.896	1.132.529.284
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		-3.908.348.686	-4.777.087.417
11. Thu nhập khác	31	VI.7	119.427.389	31.881.560.438
12. Chi phí khác	32	VI.8	167.866.582	1.710.075.883
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-48.439.193	30.171.484.555
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		-3.956.787.879	25.394.397.138
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9		0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		-3.956.787.879	25.394.397.138
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Tình hình hoạt động SXKD hợp nhất

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	63.827.718.912	61.076.663.259
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.400.000	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		63.822.318.912	61.076.663.259
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	55.133.965.372	50.301.909.910
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.688.353.540	10.774.753.349
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		12.517.653	12.179.147
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	4.121.568.759	4.020.407.603
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.188.568.759	3.931.407.603
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	1.533.049.790	222.240.727
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.616.300.243	4.006.876.510
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		-1.570.047.599	2.537.407.656
11. Thu nhập khác	31	VI.6	186.803.882	1.788.939.565
12. Chi phí khác	32	VI.7	192.937.542	1.714.805.933
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-6.133.660	74.133.632
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		-1.576.181.259	2.611.541.288
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	37.014.959	107.520.621
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		427.786.504	-4.663.145.781
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		-2.040.982.722	7.167.166.448
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-454	1.593
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-454	1.593

Những thuận lợi, khó khăn tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh:

*** Khó khăn:**

Giá trị sản lượng sản xuất chưa hết công suất nên các khoản chi phí phát sinh cố định làm ảnh hưởng đến giá thành/sản phẩm, trong khi đó vẫn phải duy trì các chi phí như: Chi phí nhân công, chi phí quản lý, chi phí phân bổ của năm trước, ...

Việc nợ đọng vốn của các khách hàng, đại lý dây dưa kéo dài (đặc biệt là thu vốn của các Công ty thuộc TCT Sông Đà tại các công trình: Xekaman 1, Xekaman 3, ...) không có nguồn vốn bổ sung cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Mặt khác công ty khó tiếp cận với vốn vay từ ngân hàng do không có tài sản đảm bảo nên buộc Công ty phải vay vốn lưu động để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và phải chịu các khoản chi phí lãi vay lớn.

Toàn bộ hệ thống máy móc của 02 dây chuyền sản xuất đã quá cũ (DC1: năm 1993, DC2: năm 2006) thường xuyên gặp sự cố. Quy mô so với các đối thủ là rất nhỏ và rất khó cạnh tranh trên thị trường. Công ty đã thực hiện công tác, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị trong dây chuyền, nhằm nâng cao các chỉ tiêu kỹ thuật đáp ứng nhu cầu sản xuất

ổn định và phục vụ tốt cho công tác nghiên gia công, vì vậy phát sinh các chi phí trong công tác duy tu, sửa chữa.

*** Thuận lợi:**

Trong năm 2020 Công ty tiếp tục thực hiện gia công xi măng cho tập đoàn SCG, Tập đoàn SCG là một tập đoàn lớn và có thị trường tiêu thụ xi măng lớn tại Việt nam nên sản lượng mà Công ty sản xuất ra cung cấp ra ngoài thị trường tương đối ổn định.

HDQT, Ban Tổng Giám đốc và người lao động trong Công ty đoàn kết, nỗ lực vượt qua khó khăn. Tình hình tài chính và công tác quản trị dần đi vào ổn định, tập thể CBCNV đoàn kết thống nhất, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

- Ông Bùi Xuân Hải : Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Việt Tùng : Phó Tổng giám đốc

2.2. Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

*** Ông Bùi Xuân Hải - Tổng giám đốc – Thành viên HDQT**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 30/8/1963

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Địa chỉ thường trú: Số nhà 56-58, đường 359, tổ 17, khu phố 5, Phường Phước Long B, Quận 9, TP Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 56-58, đường 359, tổ 17, khu phố 5, Phường Phước Long B, Quận 9, TP Hồ Chí Minh.

Số CMND: 370620005 Ngày cấp: 28/08/2003, nơi cấp: Công an Kiên Giang

- Trình độ học vấn: Kỹ sư điện.

- Quá trình công tác:

Thời gian		Tên công ty	Vị trí công việc
Từ	Đến		
1985	1989	Công ty xi măng Hà Tiên 2	Công nhân kỹ thuật
1989	1994	Trường Đại học Bách khoa TP HCM	Sinh viên
1994	1997	Công ty xi măng Hà Tiên 2	Kỹ sư phụ trách xưởng sửa chữa điện tử và đo lường
1997	2003	Công ty xi măng Holcim Việt Nam	Kỹ sư trưởng, Kỹ sư giám sát
2003	2004	Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ	Phó phòng
2004	2006	BQL DA xi măng Cẩm Phả - Trạm nghiên xi măng Cẩm Phả	Phó phòng
2006	2009	Trạm nghiên xi măng Cẩm Phả	Phó giám đốc kỹ thuật, phó

			quản đốc phân xưởng
2009	2012	Công ty CP xi măng Cẩm Phả	Giám đốc chi nhánh
2012	2015	Công ty CP xi măng Cẩm Phả	Cán bộ phòng KD
2015	2016	Công ty CP vật liệu Hoàng Hà	Giám đốc
2016	6/2017	TP HCM	Kinh doanh tự do
7/2017	nay	Công ty CP xi măng Sông Đà Yaly	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT

*** Ông Nguyễn Việt Tùng – Phó Tổng giám đốc – Thành viên HĐQT**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 15/11/1971

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Địa chỉ thường trú: 92 Hai Bà Trưng – P. Cửa Nam – Q. Hoàn Kiếm – TP. Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: P.2204B1 – Tòa nhà Hòa Phát – đường Hoàng Minh Giám – Cầu Giấy – Hà Nội

Số CMND: 011527216

Ngày cấp: 18/10/2011, nơi cấp: Hà Nội

- **Trình độ học vấn:** Cử nhân kinh tế - Quản trị kinh doanh.

- **Quá trình công tác:**

Thời gian		Tên công ty	Vị trí công việc
Từ	Đến		
1996	2007	Công ty xi măng Chinfon	Phụ trách kinh doanh
2007	2009	BQL dự án xi măng Cẩm Phả	Phó phòng thị trường
2009	2016	Công ty xi măng Cẩm Phả	Trưởng phòng kinh doanh
2017	nay	Công ty CP xi măng Sông Đà Yaly	Phó tổng giám đốc

2.3. Nhân sự Công ty:

- Tổng số CBCNV đến 31/12/2020: 65 người, trong đó nữ: 13 người, nam: 52 người.

+ Trình độ đại học: 14 người

+ Trình độ cao đẳng: 1 người

+ Trình độ trung cấp, thợ vận hành, sửa chữa, LĐPT: 50 người

- Chính sách đối với người lao động: Giải quyết đầy đủ các chế độ, chính sách, quyền lợi theo quy định của Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có

b. Các công ty con, công ty liên kết: Đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Một thành viên ELECEM (Bắt đầu hoạt động từ 01/01/2019).

4. Tình hình tài chính

a.1 Tình hình tài chính công ty:

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	77.963.517.951	83.498.579.150	
Doanh thu thuần	66.857.720.297	34.485.131.661	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-3.908.348.686	-4.777.087.417	
Lợi nhuận khác	-48.439.193	30.171.484.555	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-3.956.787.879	25.394.397.138	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-3.956.787.879	25.394.397.138	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		0	

a.2 Tình hình tài chính sau khi hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	58.887.191.652	65.364.614.771	
Doanh thu thuần	63.822.318.912	61.076.663.259	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-1.570.047.599	2.537.407.656	
Lợi nhuận khác	-6.133.660	74.133.632	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-1.576.181.259	2.611.541.288	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-2.040.982.722	7.167.166.448	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

b.1 Chỉ tiêu tài chính công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/NNH)	Lần	0,61	0,67
Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-HTK/NNH)	Lần	0,60	0,62
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ phải trả/Tổng TS	Lần	0,89	0,85
Hệ số nợ phải trả/VCSH	Lần	7,78	5,50
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho)	Vòng	87,36	9,92
Doanh thu thuần/Tổng TS	Vòng	0,86	0,41
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0,06	0,74
Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	-0,45	1,98
Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	-0,05	0,30
Hệ số từ LN HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	-0,06	-0,14

b.2 Chỉ tiêu tài chính sau khi hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/NNH)	Lần	0,73	0,77
Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-HTK/NNH)	Lần	0,64	0,64
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ phải trả/Tổng TS	Lần	1,13	1,08
Hệ số nợ phải trả/VCSH	Lần	-8,93	-13,14
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho)	Vòng	9,22	5,40
Doanh thu thuần/Tổng TS	Vòng	1,08	0,93
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0,03	0,12
Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	0,27	-1,33
Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	-0,03	0,11
Hệ số từ LN HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	-0,02	0,04

1. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần

- Cổ phiếu phổ thông: 4.500.000, cổ phiếu
- Cổ phiếu đang lưu hành: 4.500.000, cổ phiếu
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0, cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ %
I	Cổ đông trong nước	384	4.487.300	99,718%
1	Cá nhân	385	4.487.210	99,716%
2	Tổ chức	1	90	0,002%
II	Cổ đông nước ngoài	5	12.700	0,282%
1	Cá nhân	5	12.700	0,282%
2	Tổ chức			
	Tổng cộng	391	4.500.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

2. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

2.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất xi măng, do vậy nguồn nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm chính của Công ty là: Clinker, thạch cao, phụ gia, đá

Nguồn nguyên liệu được quản lý tốt giúp Công ty tiết kiệm được chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu tác động liên quan đến môi trường.

Để quản lý nguồn nguyên vật liệu hiệu quả, Công ty đã xây dựng các quy định về mua sắm, quản lý nguồn nguyên vật liệu nhằm phòng ngừa những tổn thất và ảnh hưởng xấu có thể xảy ra.

6.2 Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng được tiêu thụ của Công ty chủ yếu dưới hai hình thức: Tiêu thụ điện và tiêu thụ nhiên liệu (xăng, dầu và các sản phẩm hoá dầu).

Công ty cũng đã xây dựng các biện pháp đảm bảo sử dụng an toàn và có hiệu quả việc tiêu thụ năng lượng vào sinh hoạt cũng như sản xuất kinh doanh

6.3 Tiêu thụ nước

Nước được sử dụng cho sinh hoạt của Công ty là nước được lấy tại nguồn dưới sạng bể chứa hoặc bơm trực tiếp từ giếng. Được đào thải trực tiếp ra môi trường xung quanh. Đây là hoạt động thường xuyên thiết yếu và ít gây tác động đến môi trường.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Hàng quý công ty đều được các đơn vị độc lập đánh giá về tác động môi trường: Như tiếng ồn, không khí, khói bụi, nguồn nước.

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không có.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không có

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

a. số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động cuối kỳ: 65 người

Thu nhập bình quân/người/tháng: 7.600.000 đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khoẻ, an toàn và phúc lợi của người lao động

Xác định nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng hàng đầu để Công ty tồn tại và phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn có những chính sách để quan tâm chăm lo đến người lao động.

Hàng năm, người lao động được khám sức khoẻ định kỳ để phân loại lao động và bố trí công việc phù hợp. Tổ chức huấn luyện an toàn lao động định kỳ cho người lao động mới.

Các chế độ chính sách đối với người lao động được thực hiện thường xuyên, công bằng theo các quy định cụ thể nhằm động viên, khuyến khích những giá trị gia tăng và phát huy văn hóa truyền thống trong Công ty.

c. Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao.

d. Công đoàn: Công đoàn cơ sở hoạt động có hiệu quả, kết nối giữa Người sử dụng lao động và người lao động.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đều thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với chính quyền, an ninh trật tự, văn hoá với cộng đồng người dân địa phương, như: Thực hiện giao lưu văn hoá, thể thao; Thực hiện phối hợp và hỗ trợ trong công tác đảm bảo an ninh trật tự; Thực hiện hỗ trợ kinh phí phát triển cho địa phương.....

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Để hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được HĐQT thông qua, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành triển khai thực hiện các giải pháp đồng bộ từ công tác tổ chức, nhân lực, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

Từ cuối năm 2018 Công ty SDY đã thành lập Công ty TNHH MTV Xi Măng ELECEM doanh nghiệp đã đi vào hoạt động từ tháng 01/2019.

Chuyển giao toàn bộ máy móc thiết bị SXXM sang Công ty TNHH MTV Xi Măng Elecem

Hiện tại Công ty SDY chủ yếu làm dịch vụ vận chuyển và tiêu thụ đá tồn kho

2. Tình hình tài chính

- Đối với CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY theo mục 1 phần II.
- Đối với cáo kết quả hoạt động SXKD - CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG ELECEM là công ty với 100% vốn góp từ Công ty SDY:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	39.154.163.926	47.808.471.749
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		39.154.163.926	47.808.471.749
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	33.234.548.465	45.467.447.736
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.919.615.461	2.341.024.013
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	989.767	10.422.161
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	382.808.221	73.132.879
- Trong đó: Chi phí lãi vay			382.808.221	73.132.879
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	1.510.794.910	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	3.827.633.531	2.874.347.226
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		199.368.566	-596.033.931
11. Thu nhập khác	31	VII.6	147.285.584	1.133.637.034
12. Chi phí khác	32	VII.7	104.980.051	4.730.050
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		42.305.533	1.128.906.984
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		241.674.099	532.873.053
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	37.014.959	107.520.621
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		204.659.140	425.352.432

3. Kế hoạch phát triển tương lai

Để phục vụ tốt công tác sản xuất kinh doanh của Công ty, ban lãnh đạo Công ty đã bố trí và sắp xếp lại nhân sự phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị trực thuộc cho phù hợp với tình hình tổ chức SXKD.

Thường xuyên chỉ đạo Công ty TNHH MTV Xi Măng Elecem SXXM gia công cho tập đoàn SCG để đạt các tiêu chí, kế hoạch... mà tập đoàn SCG giao.

Tập trung vào công tác thu hồi công nợ.

4. Giải trình của Ban Tổng giám đốc với ý kiến kiểm toán:

a. Về quỹ khen thưởng phúc lợi: Khoản tiền chi vượt quỹ khen thưởng, phúc lợi: Phát sinh từ năm 2012 đến năm 2017 do tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh thua lỗ, các khoản từ quỹ khen thưởng, phúc lợi vẫn phát sinh, Công ty đã chi và sẽ bổ sung nguồn vào những năm sau

b. Về trích lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản phải thu khó đòi trên Công ty đang tiến hành làm các hồ sơ đối chiếu xác nhận công nợ của khách hàng về số tiền còn nợ chưa trả như cam kết nợ, đối chiếu công nợ, bảng kê công nợ và các chứng từ khác có liên quan. Khi có đầy đủ các căn cứ xác nhận về các khoản phải thu khó đòi trên Công ty sẽ tiến hành trích lập dự phòng.

c. Đối chiếu công nợ: Biên bản đối chiếu công nợ đối với các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, công nợ phải trả người bán và phải thu về cho vay của Công ty đã được lập và gửi đi; nhưng do đối tượng ký công nợ hầu như ở xa, một số đơn vị đã chuyển địa điểm khác mà không thông báo nên việc thu thập lại đối chiếu chưa được đầy đủ. Công ty sẽ tiếp tục liên hệ để thu thập các đối chiếu công nợ nói trên

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2020, trước khó khăn về nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, trả nợ khách hàng... Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và cùng Ban điều hành triển khai một cách đồng bộ và linh hoạt các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong công tác quản trị tài chính như: Thực hiện tái cơ cấu tài sản, tái cơ cấu mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tinh gọn bộ máy nhân sự, vay vốn cá nhân để bù đắp nguồn vốn thiếu hụt trong kinh doanh

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong bối cảnh tình hình thị trường gặp nhiều khó khăn, HĐQT ghi nhận, đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành, trong đó có nỗ lực rất lớn của Ban Tổng giám đốc trong công tác quản trị và điều hành, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty, ban điều hành đã chủ động đề xuất HĐQT các giải pháp về nguồn vốn, nhân sự, tái cơ cấu tài sản...

Công tác tài chính của Công ty đảm bảo tính chính xác, trung thực thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán tài chính hiện hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

a. Về kế hoạch SXKD năm 2021:

Chiến lược sản xuất kinh doanh của SDY trong năm 2021 và các năm tiếp theo chỉ còn lại chủ yếu hoạt động khai thác kinh doanh đá vôi phục vụ sản xuất xi măng để gia công cho xi măng Sông Gianh và kinh doanh dịch vụ vận tải

b. Về mô hình tổ chức, quản trị:

Hoàn thiện bộ máy điều hành Công ty TNHH MTV Xi măng Elecem, xây dựng mới quy chế quản lý tài chính, định mức chi phí phù hợp với tình hình hoạt động SXKD khi doanh nghiệp dần đi vào ổn định và có định hướng cho các năm tiếp theo trong tương lai.

c. Về công tác khai thác đá:

Ban điều hành sẽ tiếp tục làm việc với các Bộ, Sở ban ngành tìm hiểu thông tin và các quy định để làm thủ tục xin gia hạn giấy phép khai thác tại mỏ đá vôi Chư sê.

Tập trung cho Chi nhánh xí nghiệp khai thác đá để sản xuất các loại đá phù hợp với tình hình tồn kho tại bãi và sản xuất sản phẩm đá vôi để phục vụ cho các nhà máy sản xuất xi măng.

d. Công tác quản lý kinh tế, tài chính

Xây dựng kế hoạch tài chính từng tháng, kế hoạch sử dụng vốn sao cho hợp lý, hiệu quả nhất cũng như thực hiện các nghĩa vụ đối với NSNN.

Trên cơ sở Nghị quyết HĐQT đã thông qua tìm đối tác thanh lý tài sản, các vật tư không có nhu cầu sử dụng với giá bán hợp lý nhất để có nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh và giải phóng kho của Công ty.

Tiếp tục tập trung cho công tác thu vốn, đặc biệt là công nợ đến và quá hạn. Từng bước giải quyết dần các vấn đề kinh tế tồn tại tại Thủy điện Xekaman 1, Xekaman 3.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty
1	Phạm Thị Thu Hà	Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Xuân Hải	TV. HĐQT kiêm TGD
3	Nguyễn Công Khởi	TV. HĐQT

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong tháng 04/2019 Công ty đã cơ cấu lại HĐQT từ 05 người xuống còn 03 người, HĐQT đã quản lý công ty hoạt động tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty. HĐQT quản lý Công ty bằng các Nghị quyết, các quy chế quản lý nội bộ.

HĐQT chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong SXKD; Tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán.

Thường xuyên thảo luận giữa Chủ tịch HĐQT với Ban điều hành để đạt được sự thống nhất cao trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.

HĐQT thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc đa số tán thành.

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Bà Trần Thị Len	Trưởng BKS, tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	Thành viên BKS, tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%
Bà Mai Ngọc Liên	Thành viên BKS, tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các công việc theo trách nhiệm và quyền hạn của Ban:

Tham gia góp ý kiến hoàn thiện các quy chế, quy định nhằm đảm bảo các văn bản quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình phát triển của Công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, kịp thời trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc thông qua hình thức xem xét và ban hành và thực thi các Nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định.

Tham dự đầy đủ và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT Công ty.

Thực hiện đánh giá báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn trên cơ sở báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/tháng	Số tháng	Thành tiền
Hội đồng quản trị					108.000.000
1	Phạm Thị Thu Hà	Chủ tịch HĐQT	3.000.000	12	36.000.000
2	Bùi Xuân Hải	Thành viên	3.000.000	12	36.000.000
3	Nguyễn Công Khởi	Thành viên	3.000.000	08	24.000.000
4	Võ Thị Hà Giang	Thành viên	3.000.000	04	12.000.000
Ban kiểm soát					72.000.000
5	Trần Thị Len	Trưởng BKS	3.000.000	12	36.000.000
6	Nguyễn Lê Trung Phi	Thành viên	1.000.000	12	12.000.000
7	Mai Ngọc Liên	Thành viên	1.000.000	12	12.000.000
8	Phạm Văn Giang	Thư ký	1.000.000	12	12.000.000
Tổng cộng					180.000.000

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ

TT	Tổ chức/người thực hiện	Quan hệ với cổ đông nội bộ/ Chủ tịch HĐQT	Số CP sở đầu kỳ		Số CP sở cuối kỳ		Lý do
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Quang Huy	Cổ đông lớn	407.100	9,05%	407.100	9,05%	
2	Trần Hạnh Nguyên	Cổ đông lớn	805.500	17,9%	805.500	17,9%	

3	Trần Anh Minh	Cổ đông lớn	1.000.000	22,22%	1.000.000	22,22%	
4	Trịnh Thị Thuý	Cổ đông lớn	1.000.000	22,22%	1.000.000	22,22%	

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY

1. Ý kiến kiểm toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.844.308.179 đồng. Nếu như Công ty hạch toán các khoản đã chi này thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được biên bản đối chiếu cho các khoản công nợ phải thu khách hàng, trả trước người bán, công nợ phải trả người bán và phải thu về cho vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với số tiền lần lượt là 41.317.606.241 đồng, 55.942.145 đồng, 4.079.106.918 đồng và 2.205.693.225 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục công nợ nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho những khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán với số tiền 30.760.850.662 đồng, trong đó, số dự phòng cần trích lập năm 2020 là 1.167.413.549 đồng. Nếu Công ty thực hiện trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi trên báo cáo tài chính thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng 1.167.413.549 đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi 1.167.413.549 đồng; trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi 30.760.850.662 đồng, chỉ tiêu "dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" cũng tăng lên số tiền tương ứng.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Địa chỉ Website công bố, cung cấp thông tin báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán: <http://songdayaly.vn>

CÔNG TY CP XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY

Nơi nhận:

- UBCN NN;
- Sở GD chứng khoán Hà Nội;
- Các TV HĐQT Cty;
- Ban kiểm soát Cty;
- Ban TGD Cty.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Xuân Hải